ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2419/BC-UBND	*Vĩnh Cửu, ngày 15 tháng 11 năm 2018*

BÁO CÁO
Kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của UBND huyện Vĩnh Cửu năm 2018

Căn cứ Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính, công vụ năm 2018;

Thực hiện Kế hoạch số 7532/KH-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai xác định Bộ Chỉ số cải cách hành chính, công vụ các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018;

Trên cơ sở Công văn số 2711/SNV-CCHC ngày 14/8/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn việc xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND cấp huyện năm 2018.

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2018, như sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của UBND huyện (*đính kèm*).

- Bảng kết quả đánh giá đối với TC 10.5 của mục 10 về đánh giá tác động của cải cách hành chính

- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo bảng tổng hợp.

Trên đây là kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- TT.HU;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Phòng Tư pháp huyện;
- C, PVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

D/2018/Nội vụ/CCHC/Báo cáo/Lộc.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CÔNG VỤ CỦA UBND HUYỆN VĨNH CỬU

(Đính kèm Báo cáo số 2419/BC-UBND ngày 15/11/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**13**	**12,35**	
1.1	***Kế hoạch CCHC hàng năm***	**3,5**	**3,35**	*Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 11/01/2018 về cải cách hành chính huyện Vĩnh Cửu năm 2018.*
1.1.1	*Ban hành kế hoạch cải cách hành chính*	0,5	0,5	
	Đúng thời hạn: 0,25		0,25	
	Đạt yêu cầu nội dung kế hoạch: 0,25		0,25	
	Không ban hành: 0			
1.1.2	*Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC*	3	2,85	*Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 3.00}{100\%}$ *Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0*			
1.2	**Báo cáo CCHC**	**2**	**1,5**	*- Báo cáo số 286/BC-UBND ngày 02/3/2018 báo cáo CCHC quý I/2018;* *- Báo cáo số 1697/BC-UBND ngày 04/6/2018 báo cáo CCHC 6 tháng năm 2018;* *- Báo cáo số 2038/BC-UBND ngày 05/9/2018 báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC 9 tháng năm 2018;* *- Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC năm 2018.*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
1.2.1	Thực hiện đầy đủ báo cáo CCHC (báo cáo quý 1, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm)	1	1	
	Đủ số lượng báo cáo: 1			
	Không đủ số lượng báo cáo: 0			
1.2.2	Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo kế hoạch CCHC của đơn vị và theo đúng yêu cầu của UBND tỉnh	0,5	0,5	
	Đạt yêu cầu: 0,5			
	Không đạt yêu cầu: 0			
1.2.3	Tất cả được gửi đúng thời gian quy định	0,5	0	
	Đúng thời gian quy định: 0,5			
	Không đúng thời gian quy định: 0			
1.3	**Kiểm tra công tác CCHC**	**2**	**2**	*- Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 01/3/2018 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra kiểm soát TTHC năm 2018;* *- Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2018;* *- Công văn số 1245/UBND ngày 30/3/2018 về việc chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót sau kiểm tra CCHC, việc chấp hành kỷ cương hành chính của CBCC;* *- Báo cáo kết quả kiểm tra và biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC(gửi kèm).*
1.3.1	*Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra*	0,5	0,5	
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành dưới 100%: 0			
1.3.2	Phát hiện các vấn đề qua kiểm tra	0,5	0,5	
	Có phát hiện các vấn đề chưa phù hợp: 0,5			
	Không phát hiện ra các vấn đề chưa phù			

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	hợp: 0			
1.3.3	*Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra*	1	1	
	Từ 85% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: Tỷ lệ % số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý x 1.00 / 100%			
	Dưới 85%: 0			
	Trường hợp tất cả các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
1.4	**Thực hiện tuyên truyền về cải cách hành chính**	**1**	**1**	*- Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 02/3/2018 về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, truyền thông hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính huyện Vĩnh Cửu năm 2018;* *- Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC năm 2018;* *- Báo cáo số 2553/BC-UBND ngày 31/10/2018 về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2018 và đăng ký nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin năm 2019.*
1.4.1	*Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền*	*0,5*	*0,5*	
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành dưới 100%: 0			
1.4.2	*Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC*	*0,5*	*0,5*	
	Tuyên truyền CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.25			
	Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức khác: 0.25			
1.5	***Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính***	***1,5***	***1,5***	*- Các Thông báo kết luận số 182, 201, 268, 1780, 2246/TB-*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
				UBND của UBND huyện về thực hiện các nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trong năm 2018; *- Các Báo cáo hàng tuần được thông qua trước cờ trong buổi chào cờ sáng thứ hai hàng tuần của UBND huyện do Phòng Nội vụ trình bày (gửi kèm).*
	Rà soát kết quả giải quyết hồ sơ định kỳ hàng tuần: 0,25; không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: 0.			
	Chỉ đạo, đôn đốc cấp dưới thực hiện cải cách hành chính đầy đủ, kịp thời: hàng tuần: 0,25, hàng tháng: 0,25; hàng quý 0,25; không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.			
	Đôn đốc quan cấp trên giải quyết hồ sơ: 0,5; không thực hiện: 0			
1.6	**Triển khai chỉ đạo của cấp trên về cải cách hành chính, với kết quả:**	**+3/-3**	**3**	*- Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của UBND huyện ban hành Chương trình cải cách hành chính huyện Vĩnh Cửu giai đoạn 2016-2020;* *- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 11/01/2018 về cải cách hành chính huyện Vĩnh Cửu năm 2018;* *- Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC năm 2018;* *- Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 về việc củng cố, kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Vĩnh Cửu;* *- Cùng các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành và các báo cáo liên quan đến công tác cải cách hành chính được gửi kèm*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
				theo bảng tổng hợp này.
	01 chỉ đạo đảm bảo theo yêu cầu: +1; không đảm bảo theo yêu cầu hoặc không triển khai: -1			
	02 chỉ đạo đảm bảo theo yêu cầu: +2; không đảm bảo theo yêu cầu hoặc không triển khai: -2			
	Từ 03 chỉ đạo trở lên đảm bảo theo yêu cầu: +3; không đảm bảo theo yêu cầu hoặc không triển khai: -3			
	Trường hợp đơn vị không triển khai, do trong các chỉ đạo của cấp trên, đơn vị không có nhiệm vụ phải triển khai: 0			
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**	**7**	**6,5**	
2.1	***Ban hành văn bản QPPL theo đúng quy trình của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015:*** *Đạt tỷ từ 90-100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% số văn bản đúng quy trình x 2.00}}{100\%}$	*2*	**2**	*- Kế hoạch số 1858/KH-UBND ngày 29/12/2017 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;* *- Báo cáo số 2389/BC-UBND ngày 07/11/2018 về kết quả xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
	Dưới 90% văn bản: 0			
2.2	**Công tác theo dõi thi hành pháp luật**	**3**	**3**	
2.2.1	*Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật*	*1,5*	1,5	*- Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 23/02/2018 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2018;* *- Báo cáo số 2264/BC-UBND ngày 03/10/2018 về kết quả theo dõi thi hành pháp luật năm 2018 trê địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức:			

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	$\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.5}{100\%}$			
	Dưới 85% kế hoạch: 0			
2.2.2	*Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật:*	*1,5*	1,5	*- Kế hoạch số 249/KH-UBND ngày 23/02/2018 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2018;* *- Báo cáo số 2264/BC-UBND ngày 03/10/2018 về kết quả theo dõi thi hành pháp luật năm 2018 trê địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
	Từ 85% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý} \times 1.5}{100\%}$			
	Dưới 85% các vấn đề: (0đ)			
	Trường hợp các kết quả theo dõi thi hành pháp luật đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: (0,5đ)			
2.3	**Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị**	**2**	**1,5**	*- Kế hoạch số 1858/KH-UBND ngày 29/12/2017 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;* *- Báo cáo số 2389/BC-UBND ngày 07/11/2018 về kết quả xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1	1	
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%}$			
	Dưới 85% kế hoạch: 0			

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
2.3.3	*Đề xuất xử lý các văn bản không còn phù hợp*	*1*	0,5	
	Có đề xuất xử lý: 1			
	Có phát hiện văn bản không còn phù hợp nhưng không đề xuất xử lý: 0			
	Trường hợp qua kiểm tra các văn bản QPPL đều phù hợp, không phát sinh việc xử lý hoặc đề xuất xử lý: 0,5		x	
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**21**	**19,5**	
3.1	**Kiểm soát thủ tục hành chính**	**7,5**	**5,75**	*- Kế hoạch số 111A/KH-UBND ngày 15/01/2018 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018;* *- Báo cáo số 2386A/BC-UBND ngày 07/11/2018 về kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
3.1.1	*Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC*	0,5	0,5	
	Đúng thời hạn: 0,25			
	Đạt yêu cầu nội dung kế hoạch: 0,25			
	Không ban hành: 0			
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC	1	1	
	Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%}$			
	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0			
3.1.3	*Rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc về quy định hành chính, thủ tục hành chính; kiến nghị, đề xuất...*	1	1	*- Công văn số 62/VP-CCHC ngày 25/7/2018 về việc xác định trách nhiệm của các cơ quan trong phê duyệt mặt bằng tổng thể;* *- Công văn số 66/VP-CCHC ngày 15/8/2018 về việc xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quy trình giải quyết hồ sơ chuyển mục đích, tách thửa.*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	Có báo cáo nêu rõ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện TTHC; có kiến nghị, đề xuất cụ thể: 1			
	Có báo cáo nêu rõ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; nhưng không có kiến nghị, đề xuất cụ thể: 0,5.			
	Không có báo cáo: 0			
3.1.4	*Kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính*	*1*	1	*- Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 01/3/2018 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra kiểm soát TTHC năm 2018;* *- Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2018;* *- Báo cáo số 400/BC-UBND ngày 30/3/2018 về kết quả kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;* *- Công văn số 1245/UBND ngày 30/3/2018 về việc chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót sau kiểm tra CCHC, việc chấp hành kỷ cương hành chính của CBCC.*
	Có ban hành kế hoạch kiểm tra; có tổ chức kiểm tra; có kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: 1			
	Có ban hành kế hoạch kiểm tra; có tổ chức kiểm tra; không có kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: 0,5			
	Có ban hành kế hoạch kiểm tra; không tổ chức kiểm tra; không có kết luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: 0,25			
	Không ban hành kế hoạch kiểm tra; không tổ chức kiểm tra; không có kết			

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	luận chỉ đạo về kết quả kiểm tra: 0			
3.1.5	*Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính*	*1*	0,25	
	Tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; tổ chức tập huấn, hướng dẫn lại nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho đơn vị, địa phương: 1			
	Không tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; nhưng có tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho đơn vị, địa phương: 0,5			
	Tham dự hội nghị tập huấn của tỉnh; nhưng không tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho đơn vị, địa phương: 0,25		x	
	Không tham dự Hội nghị tập huấn của tỉnh; không tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị, địa phương: 0			
3.1.6	Tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân	2	2	*- Báo cáo số 2386A/BC-UBND ngày 07/11/2018 về kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;* *- Kiểm tra thực tế trên phần mềm 1022.*
	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được giải quyết đạt yêu cầu (nội dung, thời hạn) đạt *từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% PAKG giải quyết đạt yêu cầu} \times 2.00}{100\%}$ Dưới 80%: 0 Trường hợp địa phương không có phản ánh, kiến nghị: 2			
3.2	**Công khai thủ tục hành chính:** Niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng và dễ tiếp cận bộ thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố theo quy định tại Bộ	1	1	

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	phận tiếp nhận và trả kết quả: - Bộ thủ tục hành chính: 0,5 - Bộ hồ sơ mẫu: 0,25 - Số điện thoại Tổng đài hành chính công 1022: 0,25			
3.3	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**	**13,5**	**12,75**	
3.3.1	Thực hiện cơ chế một cửa	*2*	**2**	
	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện do UBND tỉnh công bố: *Đạt từ 85% - 100% tổng số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC thực hiện theo CCMC x 1.00}}{100\%}$ *Dưới 85% số TTHC: 0*		1	*Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
	Cung cấp các dịch vụ công cần thiết cho người dân, doanh nghiệp, tích hợp giải quyết tại Bộ phận TN&TKQ cấp huyện: 1; chưa thực hiện: 0		1	*Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
3.3.2	*Triển khai cơ chế một cửa liên thông:*	*2*	2	*Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
	Liên thông giải quyết 26 TTHC trong lĩnh vực đất đai: 0,5; không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng không đạt yêu cầu: 0 *Liên thông 3 trong 1 (đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi): 0,5; không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng không đạt yêu cầu: 0*		1	
	Liên thông các lĩnh vực khác do địa phương chủ động: *Từ 03 TTHC trở lên: (1đ);*		1	

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	Từ 01 đến 02 TTHC: (0,5đ). *Không có TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông: (0đ)*			
3.3.3	Điều chỉnh, bổ sung quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa	0,5	0,5	*- Kế hoạch số 2206/KH-UBND ngày 18/9/2018 về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa lên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;* *- Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Vĩnh Cửu.*
	Điều chỉnh, bổ sung kịp thời: 0,5			
	Không điều chỉnh, bổ sung kịp thời: 0			
	Trong trường hợp quy trình thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa của đơn vị qua rà soát vẫn còn phù hợp không cần điều chỉnh, bổ sung: 0,25			
3.3.4	Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ	2	2	*Trên cở sở kết quả kiểm tra thực tế công tác tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện.*
	100% hồ sơ có phiếu biên nhận (đối với hồ sơ phải ghi phiếu biên nhận): 0,5			
	100% hồ sơ vào sổ trả hồ sơ: 0,5			
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình luân chuyển hồ sơ: 0,5			
	100% hồ sơ trễ hẹn, đơn vị có văn bản xin lỗi người dân: 0,5; Trường hợp 100% hồ sơ đúng hẹn không phát sinh văn bản xin lỗi: 0,5			
3.3.5	*Công tác giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ trả đúng hạn từ 85% đến 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% □ồ sơ trả đúng □ạn} \times 5.00}{100\%}$	*5*	4,25	*- Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	Dưới 85% trả đúng hạn: 0			*- Kết quả kiểm tra thực tế trên phần mềm một cửa Egov.*
3.3.6	*Thực hiện tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính*	*2*	2	*Công văn số 5521/UBND ngày 31/10/2018 về việc rà soát, đề xuất TTHC sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong thời gian tới.*
	Trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: 0,5			
	Nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: 0,5			
	Số lượng hồ sơ tiếp nhận, trả qua dịch vụ bưu chính công ích tăng 30% so với năm trước: 1; tăng dưới 30%: 0,5; không tăng: 0			
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**	**9**	**9**	
4.1	*Triển khai kế hoạch của UBND tỉnh triển khai kế hoạch số 166-NQ/TW ngày 02/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về "một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*	***4***	**4**	*- Kế hoạch số 1996/KH-UBND ngày 15/8/2018 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả";* *- Đề án số 2412/ĐA-UBND ngày 14/11/2018 về phương án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;* *- Các báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện NQ18, NQ19 trong năm 2018 của UBND huyện.*
	Số lượng biên chế cấp phòng: 1			
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng: 1			
	Giảm quy mô bộ phận hỗ trợ, phục vụ: 1			
	Tinh giản biên chế theo đúng lộ trình: 1			
4.2	*Triển khai kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW*	***3***	3	*- Kế hoạch số 1997/KH-UBND ngày 15/8/2018 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về "tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập"			*25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "về tiếp tục đổi mới hệ thống, tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" huyện Vĩnh Cửu;* *- Đề án số 2413/ĐA-UBND ngày 14/11/2018 về thành lập Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện, Đài truyền thanh huyện và Thư viện huyện;* *- Các báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện NQ18, NQ19 trong năm 2018 của UBND huyện.*
	Xây dựng kế hoạch triển khai đáp ứng yêu cầu: 0,25			
	Báo cáo đúng yêu cầu về nội dung, tiến độ: 0,25			
	Kết quả triển khai nhiệm vụ đạt yêu cầu: 2,5; không đạt yêu cầu: 0			
4.3	**Thực hiện phân cấp quản lý**	**2**	**2**	*Báo cáo số 2259/BC-UBND ngày 02/10/2018 về kết quả thực hiện công tác biên chế phục vụ Đoàn kiểm tra của Bộ Nội vụ.*
4.3.1	Thực hiện các quy định phân cấp về thẩm quyền quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị	1	1	
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1			
	Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0			
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp	0,5	0,5	
	Có thực hiện: 0,5			
	Không thực hiện: 0			
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0,5	0,5	

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	Có xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Có phát hiện vấn đề không còn phù hợp nhưng không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
	Trường hợp tất cả các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**12**	**11,5**	
5.1	Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt	**2**	**2**	*UBND huyện đã xây dựng:* *- Đề án số 1323/ĐA-UBND ngày 01/11/2016 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính;* *- Đề án số 1351/ĐA-UBND ngày 09/11/2016 về vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Vĩnh Cửu;* *- Đề án số 1274/ĐA-UBND ngày 14/10/2016 về vị trí việc sự nghiệp công lập (giáo dục và đào tạo).*
5.2	**Tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức, viên chức**	**7**	7	
5.2.1	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức đúng quy định: 2	2	2	*- Kế hoạch số 2171/KH-UBND ngày 11/9/2018 về tuyển dụng viên chức huyện Vĩnh Cửu năm 2018;* *- Thông báo số 2368/TB-HĐTDVC ngày 02/11/2018 về công bố kết quả phỏng vấn, sát hạch năng lực thí sinh phục vụ công tác tuyển dụng viên chức huyện Vĩnh Cửu năm 2018.*
	Thực hiện chưa đúng quy định: 0			
	Trong trường hợp cơ quan, đơn vị không tổ chức tuyển dụng viên chức do không còn số lượng người làm việc trong đơn			

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	vị sự nghiệp (biên chế): 2			
5.2.2	*Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức:* *Đạt từ 85-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% công chức được bố trí đúng quy định} \times 1.5}{100\%}$ *Dưới 85%: 0*	*1,5*	1,5	*Báo cáo số 2259/BC-UBND ngày 02/10/2018 về kết quả thực hiện công tác biên chế phục vụ Đoàn kiểm tra của Bộ Nội vụ.*
5.2.3	*Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp:* *Đạt từ 80-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% viên chức được bố trí đúng quy định} \times 1.5}{100\%}$ *Dưới 80%: 0*	*1,5*	1,5	*Thông báo số 822/TB-HĐND ngày 31/10/2018 của HĐND tỉnh về kết luận giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu giai đoạn 2017 – 2018.*
5.2.4	Quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở dữ liệu điện tử	*2*	2	*Kiểm tra thực tế trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức.*
	Quản lý, cập nhật dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức lên phần mềm theo đúng yêu cầu: 1; chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: 0;			
	Ứng dụng phần mềm phục vụ công tác cán bộ, công chức, viên chức: 1.			
5.3	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức**	*3*	**2,5**	
5.3.1	*Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm*	*0,5*	0,5	*Kế hoạch số 4299/KH-UBND ngày 29/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018.*
	Ban hành kịp thời (chậm nhất vào tháng 9 năm trước liền kề năm kế hoạch): 0,5			
	Ban hành không kịp thời: 0,25			
	Không ban hành: 0			
5.3.2	*Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn; bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ: Tỷ lệ % cán*	2,5	**2**	*- Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu;*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng với thời gian học tối thiểu từ 01 tuần/01 năm trở lên: *Đạt từ 50-100% thì điểm đánh giá tính theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% CBCC được đào tạo, bồi dưỡng} \times 2.5}{100\%}$			*- Báo số 2398/BC-UBND ngày 09/11/2018 về kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.*
	Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0			
6	**CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG**	**6**	**5**	
6.1	***Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính*** *theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP:* *Đạt từ 90-100% thì điểm đánh giá theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% cơ quan đã t□ực □iện} \times 2.00}{100\%}$ *Dưới 90%: 0*	***2***	**2**	*Báo cáo số 356/BC-TCKH ngày 09/11/2018 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện xác định tỷ lệ % giữa các phòng ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ theo văn bản số 5519/UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện (gửi kèm báo cáo tình hình tăng thu nhập năm 2017, do 9 tháng năm 2018 mới ứng tăng thu nhập cho CBCC, cuối tháng 12/2018 mới quyết toán đầy đủ và có số liệu chính thức).*
6.2	***Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015***	**3**	**3**	*Báo cáo số 356/BC-TCKH ngày 09/11/2018 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Vĩnh Cửu về việc thực hiện xác định tỷ lệ % giữa các phòng ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ theo văn bản số 5519/UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện.*
	Đạt từ 50-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% đơn vị sự ng□iệp t□ực □iện cơ c□ế tự c□ủ} \times 2.}{100\%}$ *Dưới 50%: 0*			
	Có đơn vị sự nghiệp tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên: 0,5			

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	Có đơn vị sự nghiệp tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư: 0,5			
6.3	**Tỷ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi đạt yêu cầu (theo Nghị quyết số 19-NQ/TW): 1**	**1**	**0**	
7	**HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH**	**12,5**	**11,5**	
7.1	**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính**	**4,5**	**4,5**	*- Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 25/01/2018 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu trong năm 2018;* *- Báo cáo số 2351/BC-UBND ngày 31/10/2018 về công tác quản lý nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch TT-TT năm 2019;* *- Báo cáo số 2353/BC-UBND ngày 31/10/2018 về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2018 và đăng ký nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin năm 2019;* *- Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.*
7.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin: *Hoàn thành từ 85% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%}$ *Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0*	1	1	
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa đơn vị và các cơ quan hành chính khác: *Đạt tỷ lệ từ 95-100% thì điểm đánh giá*	*1*	1	

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	xác định theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% văn bản trao đổi điện tử} \times 1.00}{100\%}$ *Dưới 95%: 0*			
7.1.3	*Tỷ lệ lãnh đạo UBND cấp huyện, lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc.*	*1*	**1**	
	Đạt 100% tổng số lãnh đạo: 1			
	Từ 95% đến dưới 100% tổng số: 0,5			
	Dưới 95% tổng số: 0			
7.1.4	Tỷ lệ công chức, viên chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc: *Đạt từ 90-100% thì điểm đánh giá xác định theo công thức:* $\frac{\text{Tỷ lệ \% CCVC sử dụng văn bản điện tử} \times 1,5}{100\%}$ *Dưới 90%: 0*	*1,5*	**1,5**	
7.2	**Ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính**	**4,5**	**4,5**	*- Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 25/01/2018 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu trong năm 2018;* *- Báo cáo số 2351/BC-UBND ngày 31/10/2018 về công tác quản lý nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông năm 2018 và nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch TT-TT năm 2019;* *- Báo cáo số 2353/BC-UBND ngày 31/10/2018 về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu năm 2018 và đăng ký nhiệm vụ, dự án công nghệ thông tin năm 2019;* *- Báo cáo số 2406/BC-UBND ngày 13/11/2018 về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
				2018 trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.
7.2.1	*Đạt 100% hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả qua phần mềm một cửa hiện đại: 1* *Dưới 100%: 0*	*1*	1	
7.2.2	*Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến*	*1,5*	1,5	
	Có cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 trở lên: 1			
	Trường hợp đơn vị có dịch vụ công được phê duyệt cung cấp mức độ 3 nhưng chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: 0			
	Tỷ lệ tổng số hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (bao gồm hồ sơ trực tuyến, hồ sơ tiếp nhận trực tiếp theo cơ chế một cửa) của tất cả các TTHC, dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3: Có hồ sơ thực hiện mức độ 3: 0,5; không có: 0 Đạt từ 5% trở lên: 0,5; không đạt 5%: 0.			
7.2.3	*Ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử.*	*1,5*	1,5	
	Đã ứng dụng chữ ký số, chứng thư số: 0,5			
	Sử dụng chữ ký số, chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp: 0,5			
	Từ 50% lãnh đạo UBND, lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện sử dụng chữ ký số để xác thực văn bản điện tử: 0,5			
7.3	**Chất lượng Trang thông tin điện tử của đơn vị**	**1,5**	**1,5**	*Kiểm tra thực tế trên Trang thông tin điện tử của huyện trên địa chỉ (Website:http://vinhcuu.dongnai.gov.vn)*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
7.3.1	Tính kịp thời của thông tin	0,5		
7.3.2	Mức độ đầy đủ của thông tin	0,5		
7.3.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	0,5		
7.4	**Triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (ISO điện tử) trên cơ sở ứng dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm của Hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của đơn vị:**	**2**	**1**	*Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của UBND huyện Vĩnh Cửu phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 được ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-TĐC ngày 22/01/2014 của Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (UBND huyện sẽ phối hợp với sở Khoa học và Công nghệ triển khai ISO điện tử theo khi có chỉ đạo của UBND tỉnh).*
	Thực hiện đạt theo yêu cầu: 2			
	Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt yêu cầu: 0			
8	**SÁNG KIẾN, CÁCH LÀM MỚI TRONG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	*7*	**3**	
	01 sáng kiến: 1			
	Từ 7 sáng kiến trở lên: 7			
	Không có sáng kiến: 0			
10	**TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC**	***12,5***	**12**	
10.1	*Hiệu quả của công tác tuyên truyền cải cách hành chính*	*1,5*	*1,5*	*Khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp*
10.2	*Sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính, dịch vụ công của đơn vị (thành phần hồ sơ, thời hạn, lệ phí)*	*2*	*2*	*Khảo sát sự hài lòng người dân, doanh nghiệp*
10.3	*Tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong tiếp nhận, hướng dẫn, trả kết quả giải quyết hồ sơ*	*2,5*	*2,5*	*Khảo sát sự hài lòng người dân, doanh nghiệp*
10.4	*Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về kết quả giải quyết TTHC, dịch vụ công*	*3*	*3*	*Khảo sát sự hài lòng người dân, doanh nghiệp*
10.5	*Hiệu quả của công tác cải cách hành*	*3,5*	*3*	*Khảo sát ý kiến các sở,*

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (50%)				
STT	**Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá**	**Điểm tối đa**	**Điểm tự đánh giá**	**Tài liệu kiểm chứng**
	chính của đơn vị, địa phương trong năm			*ngành, UBND cấp huyện*
Tổng điểm phần 1: 90,35 điểm				

CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ TC 10.5 VỀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND HUYỆN VĨNH CỬU NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 2419/BC-UBND ngày 15/11/2018 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

TT	Đơn vị, địa phương được đánh giá	TC 10.5 về hiệu quả công tác cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương *(chỉ chọn 01 trong 05 phương án sau)*					Mặt được	Tồn tại, hạn chế (nếu có)	Đề nghị khắc phục
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa hiệu quả	Kém			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
I. Các sở, ngành, UBND cấp huyện (28 đơn vị): tối đa 3,5 điểm:									
1	Sở Công Thương		X						
2	Sở Giáo dục và Đào tạo		X						
3	Sở Giao thông vận tải		X						
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư		X						
5	Sở Khoa học và Công nghệ		X						
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		X						
7	Sở Ngoại vụ		X						
8	Sở Nội vụ	X							
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển NT		X						
10	Sở Tài chính		X						
11	Sở Tài nguyên và Môi trường			X					
12	Sở Thông tin và Truyền thông		X						
13	Sở Tư pháp		X						
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X						
15	Sở Xây dựng		X						
16	Sở Y tế		X						

TT	Đơn vị, địa phương được đánh giá	TC 10.5 về hiệu quả công tác cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương *(chỉ chọn 01 trong 05 phương án sau)*					Mặt được	Tồn tại, hạn chế (nếu có)	Đề nghị khắc phục
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa hiệu quả	Kém			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
17	Ban Quản lý các KCN		X						
18	UBND thành phố Biên Hòa		X						
19	UBND thị xã Long Khánh		X						
20	UBND huyện Cẩm Mỹ		X						
21	UBND huyện Định Quán		X						
22	UBND huyện Long Thành		X						
23	UBND huyện Nhơn Trạch		X						
24	UBND huyện Tân Phú		X						
25	UBND huyện Thống Nhất		X						
26	UBND huyện Trảng Bom		X						
27	UBND huyện Vĩnh Cửu		X						
28	UBND huyện Xuân Lộc		X						
	II. Đơn vị đặc thù: (tối đa 12,5 điểm)								
1	Văn phòng UBND tỉnh			X					
2	Ban Dân tộc		X						
3	Thanh tra tỉnh		X						

CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi